



TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM - CTCP

CÔNG TY CUNG ỨNG NHIÊN LIỆU ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ

BẢN TIN THAN NGÀY

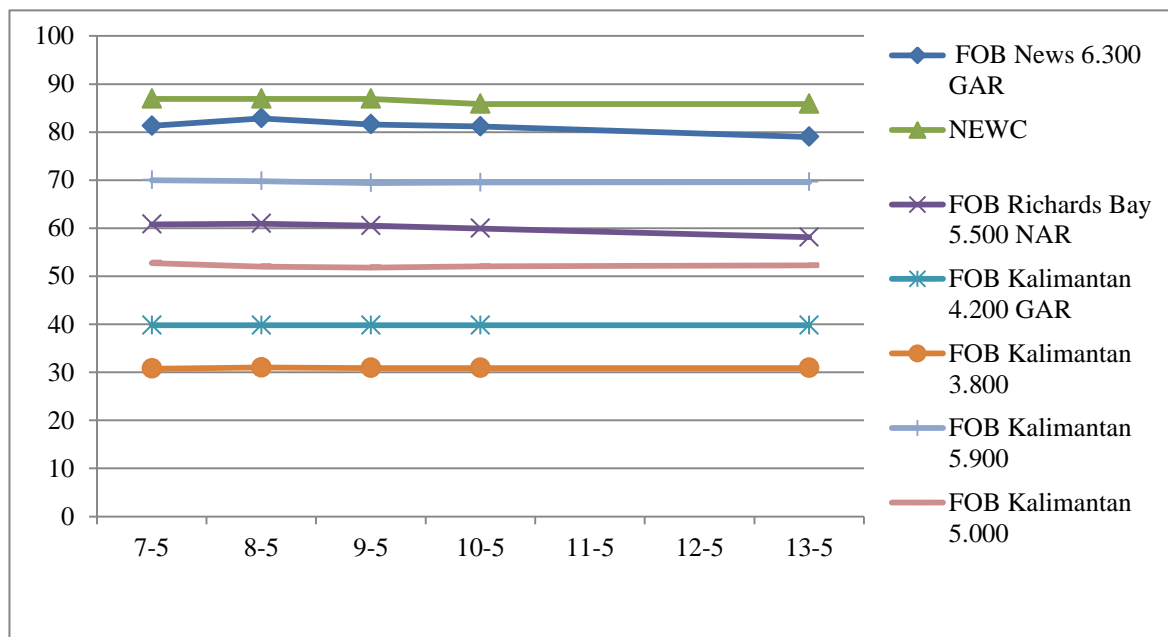
Ngày 17/5/2019

CHỈ SỐ GIÁ THAN TRÊN THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

| Chỉ số giá than | Theo chuyển | +/- | Hợp đồng tương lai kỳ hạn 90 ngày | +/- |
|----------------------------|-------------|-------|-----------------------------------|-------|
| FOB Newcastle 6.300 GAR | 79,00 | -2,15 | N/A | N/A |
| FOB Newcastle 6.000 NAR | 85,65 | N/A | N/A | N/A |
| FOB Richards Bay 5.500 NAR | 58,10 | -1,85 | N/A | N/A |
| FOB Kalimantan 5.900 GAR | N/A | N/A | 69,60 | +0,10 |
| FOB Kalimantan 5.000 GAR | N/A | N/A | 52,25 | +0,20 |

| Giá tham chiếu than nhiệt Trung Quốc | USD/tấn | +/- | NDT/tấn | +/- |
|--------------------------------------|---------|-------|---------|-------|
| PCC6 (CFR South China 3.800 NAR) | 47,55 | +0,10 | 325,56 | +3,45 |
| PCC7 (CFR South China 4.700 NAR) | 60,00 | +0,30 | 410,81 | +5,54 |
| PCC8 (CFR South China 5.500 NAR) | 70,80 | +0,40 | 484,75 | +6,84 |

GIÁ THEO CHUYỂN CÁC CHỈ SỐ THAN KHU VỰC NĂM 2019



(Nguồn: Platts Coal Trader International – Số liệu ngày 13/5/2019)

DIỂM TIN

Nhu cầu từ khách hàng Trung Quốc giúp ổn định giá than Kalimantan nhiệt trị thấp

Giá than Indonesia nhiệt trị thấp đang có xu hướng tăng trong ngắn hạn nhờ các gói thầu tại thị trường Trung Quốc và sản xuất gián đoạn tại Kalimantan do đang trong tháng Ramadan. Một công ty thương mại than Indonesia cho biết: “Giá đang tăng với tốc độ rất chậm, giá than Indonesia 4.200 kcal/kg GAR khó có thể vượt qua ngưỡng 40 USD/tấn FOB”. Giá chào cho than Indonesia 4.200 kcal/kg GAR phần lớn dao động quanh mức 40 - 41 USD/tấn, điều kiện FOB Kalimantan, trong khi giá thầu ở mức 39 - 39,25 USD/tấn. Một công ty thương mại Trung Quốc cho biết: “Tôi hy vọng giá than Indonesia nhiệt trị thấp có thể hạ nhiệt do những gói thầu tiếp theo của các nhà máy điện dự kiến sẽ chỉ tăng đột biến trong một đến hai tuần để tích trữ than trong mùa hè”.

Than Indonesia nhiệt trị trung bình trở nên kém hấp dẫn tại Ấn Độ

Giá than Indonesia nhiệt trị trung bình đang phải chịu áp lực do khách hàng Ấn Độ giảm mua than Indonesia để chuyển sang mua than Nam Phi. Lý giải cho tình trạng này, một công ty thương mại than Ấn Độ cho biết: “Chúng tôi không muốn mạo hiểm và đặt hàng vì các nhà cung cấp Indonesia dường như không hứng thú với các gói thầu của Ấn Độ”. Một hợp đồng mua than Indonesia 4.800 kcal/kg NAR giao trong tháng 6 trên tàu Supramax có giá 53 USD/tấn, FOB Kalimantan. Có thông tin cho thấy giá than Indonesia và Nam Phi nhiệt trị tương đương đang chênh lệch khoảng 5 - 7 USD/tấn. Khách hàng Trung Quốc đang mua than Indonesia nhiệt trị trung bình và Ấn Độ có thể chịu thiệt hại nếu không tham gia thị trường.

Trong tuần trước, đã có tới 45 tàu chờ làm hàng tại cảng Paradip, phía Đông Ấn Độ, sau cơn bão Fani, do đó các khách hàng Ấn Độ sẽ không tìm mua thêm các chuyến hàng mới trong ít nhất hai tuần tới. Một công ty thương mại Ấn Độ đã đàm phán thành công mức điều chỉnh cho than Nam Phi 5.500 kcal/kg NAR và than 4.800 kcal/kg NAR, đều với điều kiện FOB Richards Bay so với giá than tham chiếu 6.000 kcal/kg NAR lần lượt ở mức 7 - 9 USD/tấn và 13 USD/tấn. Ngoài ra giá than Colombia cũng đang rất hấp dẫn với 50 USD/tấn FOB cho than 6.000 kcal/kg NAR.

(Nguồn: Platts Coal Trader International)

Bukit Asam sẽ hoàn thành nghiên cứu khả thi khí hóa than trong tháng 5

PT Bukit Asam (PTBA) sẽ hoàn thành các nghiên cứu khả thi cho dự án khí hóa than của mình ở Sumatra trong tháng 5. Để phục vụ cho kế hoạch xây dựng hai nhà máy khí hóa than ở Sumatra, giám đốc Arviyan Arifin cho biết dự kiến nghiên cứu sẽ được hoàn thành vào cuối tháng. Các nhà máy, được đặt tại Peranap, Riau và Muara Enim, Nam Sumatra, sẽ cho phép PTBA sản xuất các sản phẩm phái sinh từ than như dimethyl ether (DME), khí tự nhiên tổng hợp (SNG), urê và polypropylen.

Nhà máy Peranap dự kiến sẽ sản xuất 400.000 tấn DME và 50 triệu feet khối (mmscfd) SNG mỗi ngày, trong khi nhà máy Tanjung Enim có công suất tối đa 570.000 tấn urê, 400.000 tấn DME và 450.000 tấn polypropylen mỗi năm. Người phát ngôn của PTBA, ông Suherman cho biết mỗi nhà máy sẽ cần khoảng 3 tỷ USD để xây dựng. Tuy nhiên, con số có thể tăng lên sau khi hoàn thành các nghiên cứu khả thi: “Có thể chúng tôi sẽ thay đổi công nghệ được sử dụng, vì vậy chi phí có thể tăng cao hơn so với dự kiến ban đầu”. Ông Arviyan tiết lộ ngay sau khi các nghiên cứu khả thi được hoàn thành, công ty sẽ thành lập các công ty liên doanh với các khách hàng tương lai của các sản phẩm từ nhà máy, cụ thể là công ty năng lượng của nhà nước PT Pertamina, công ty phân bón của nhà nước PT Pupuk Indonesia và công ty hóa dầu tích hợp Chandra Asri: "Chúng tôi hy vọng sẽ thành lập các công ty liên doanh vào nửa cuối năm nay", và cho biết thêm việc xây dựng các nhà máy sẽ bắt đầu ngay sau đó.

Trước đó, giám đốc phát triển kinh doanh Fuad Fachroeddin cho biết các nhà máy dự kiến sẽ bắt đầu hoạt động thương mại vào đầu năm 2023. Ông Arviyan cho biết công ty Pupuk Indonesia có thể chế biến urê có nguồn gốc từ than thành phân bón và Chandra Asri chế biến polypropylen thành nhựa. Ngoài ra Pertamina có thể chế biến khí DME có nguồn gốc từ than để thay thế cho khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG), thường được sử dụng để nấu ăn. Việc sử dụng khí DME sẽ giúp giảm chi phí mua LPG đáng kể vì than rẻ hơn rất nhiều so với khí đốt tự nhiên.

Bộ trưởng Tài nguyên và Khoáng sản, ông Ignasius Jonan cũng cho biết việc sản xuất khí DME có thể giúp giảm nhập khẩu LPG của Indonesia, với khối lượng hàng năm đạt 4,5 đến 4,7 triệu tấn, trị giá 40 nghìn tỷ Rp (2,79 tỷ USD) đến 50 nghìn tỷ Rp.

Bên cạnh việc xây dựng các nhà máy khí hóa than, PTBA cũng đang tập trung mở rộng lĩnh vực than trong năm nay. Ông Arviyan cho biết PTBA đang tìm cách mua các mỏ than sản xuất than có nhiệt trị cao ngoài tỉnh Sumatra trong năm nay: “Các mỏ mới có thể nằm ở Kalimantan hoặc thậm chí ở nước ngoài, miễn là mang lại lợi ích cho chúng tôi”. Tuy nhiên ông từ chối đi vào chi tiết về số tiền mà công ty sẽ phân bổ để mua lại mỏ. Ông cho rằng việc mua lại là cần thiết để công ty hoàn thành nhiệm vụ tăng trữ lượng than của quốc gia. Ông Suherman cho biết công ty sẽ phân bổ 6,2 nghìn tỷ Rp cho chi phí vốn đầu tư trong năm nay. Các quỹ, theo ông, sẽ được sử dụng cho đầu tư và phát triển kinh doanh thường xuyên, như phát triển tuyến đường sắt đến cảng Kertapati, và xây dựng NMNĐ than Sumsel 8 ở Nam Sumatra.

(Nguồn: <https://www.thejakartapost.com/news/2019/05/14/bukit-asam-to-complete-coal-gasification-feasibility-studies-in-may.html>)

CƯỚC VẬN TẢI ĐƯỜNG BIÊN QUỐC TẾ

| Cỡ tàu | Điểm xuất phát | Điểm đến | Cước phí | Đơn vị: USD/tấn |
|----------------------------------|-----------------|------------|----------|-----------------|
| | | | | Thay đổi |
| Capesize (150.000 tấn) | Australia | Trung Quốc | 8,15 | +0,10 |
| | Queensland | Nhật Bản | 9,20 | +0,10 |
| | New South Wales | Hàn Quốc | 10,05 | +0,10 |
| Panamax (70.000 tấn) | Richards Bay | Tây Ấn Độ | 12,70 | +0,10 |
| | Kalimantan | Tây Ấn Độ | 8,35 | +0,10 |
| | Richards Bay | Đông Ấn Độ | 12,85 | +0,10 |
| | Kalimantan | Đông Ấn Độ | 7,00 | +0,10 |
| | Australia | Trung Quốc | 10,90 | +0,00 |
| | Australia | Ấn Độ | 12,20 | +0,00 |

(Nguồn: Platts Coal Trader International – Số liệu ngày 13/05/2019)